

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

KHOA NGOẠI NGỮ



H I T H O

**I M I PH ỨNG DỤNG GIÁO DỤC Y
& NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Nha Trang, ngày 24 tháng 6 năm 2016

DANH SÁCH CÁC BÀI BÁO CÁO

1. HOÀN THI N CH NG TRÌNH NGÔN NG ANH GÓP PH N N NG CAO CH TL NG ÀO T O PHÙ H P V INHUC U XÃ H I.....3
2. XÂY D NG CÁC H C PH N C S NGÀNH C A CH NG TRÌNH NGÔN NG ANH.....9
3. M C TIÊU CH NG TRÌNH ÀO T O I H C NGÀNH NGÔN NG ANH.....19
4. XÂY D NG CÁC H C PH N C A NHÓM NGÀNH BIÊN PHIÊN D CH, CH NG TRÌNH NGÔN NG ANH.....23
5. CHU N U RA NGÀNH NGÔN NG ANH.....30
6. HI U QU C A S D NG M NG XÃ H I ED MODO TRONG D Y VI T WRITING 2 CHO SINH VIÊN CHUYÊN NG TR NG I H C NHA TRANG.....36
7. T NG K T CÁC PH NG PHÁP TÍCH C C GIÚP PHÁT TRI N K N NG M M CHO SINH VIÊN KHOA NGO I NG - I H C NHA TRANG.....40
8. NH NG V N C B N KHI XÂY D NG CH NG TRÌNH BIÊN – PHIÊN D CH.....44
9. S D NG TH PHÁP THÍCH NG V N HÓA TRONG BIÊN D CH.....47

HOÀN THI N CH NG TRÌNH NGÔN NG ANH GÓP PH N NÂNG CAO CH TL NG ÀO T O PHÙ H P V I NHU C U XÃ H I

*Th.S: Nguyễn Thị Thuý Hằng.
B môn: Biên Phiên dịch*

I. TV N

Theo quan i m các nhà thi t k ch ng trình “ ch ng trình là trái tim c a c s ào t o và nó óng góp thay i xã h i”. V i quan i m này, sau 4 n m th c hi n ch ng trình , Tr ng H Nha Trang ã a ra ch tr ng : ti n hành rà soát hoàn thi n ch ng trình ào t o theo nh h ng “ ào t o ra s n ph m có ch t l ng, phù h p v i nhu c u xã h i”. Báo cáo này c p n nh ng v n chính c a quá trình hoàn thi n ch ng trình ngành Ngôn ng Anh: t m quan tr ng c a ch ng trình, c s lý thuy t và th c ti n hoàn thi n, quan i m v hoàn thi n ch ng trình, quá trình th c hi n hoàn thi n ch ng trình và n i dung ch ng trình hoàn thi n.

II. T M QUAN TR NG C A CH NG TRÌNH

Theo quan i m các nhà giáo d c th gi i “ ch ng trình ào t o là cam k t c a c s ào t o i v i xã h i, là b n cho ng i d y, ng i h c bám sát t m c tiêu, là công c các nhà qu n lý ki m tra ánh giá.”. Ngoài ra “ ch ng trình là trái tim c a c s ào t o, và nó góp ph n thay i xã h i”.

Ch ng trình là “trái tim” c a c s ào t o vì v y xây d ng ch ng trình và hoàn thi n ch ng trình là m t vi c làm c n ph i th n tr ng, có nghiên c u, có kh o sát, có h c h i kinh nghi m, có ánh giá, có hoàn thi n.

III. C S LÝ THUY T VÀ TH C TI N HOÀN THI N CH NG TRÌNH NGÔN NG ANH

III.1. C S LÝ THUY T

Theo i u 33 c a Lu t Giáo d c n m 2005

“M c tiêu c a giáo d c h c i h c và sau i h c là ào t o ng i h c có ph m ch t chính tr , o c, có ý th c ph c v nhân dân, có ki n th c và n ng l c th c hành ngh nghi p t ng x ng v i trình ào t o, có s c kho , **áp ng yêu c u**

xây dựng và báo v T qu c". Với mục tiêu ào t o này, ch ãng trình Ngôn Ng Anh sau 4 n m th c hi n c n ph i hoàn thi n áp ãng yêu c u xây d ãng và phát tri n t n c vì xã h i luôn thay i.

Theo quan i m c a nhà giáo d c Wett (2009), ch ãng trình ào t o ngôn ng c n ph i bao g m : Planning(xây d ãng ý t ãng)- implementing (th c hi n)- Evaluation (ánh giá ãng hoàn thi n phù h p v i i u ki n th c ti n).

III.2. C S TH C TI N

V i quan i m " ch ãng trình ã xây d ãng c n c hoàn thi n theo chu k hàng n m và 4 n m " tr ãng i h c Nha Trang ã lên k ho ch hoàn thi n ch ãng trình vào tháng 11 n m 2015. ãy là c h i ãng ngành ngôn ng Anh rà soát l i ch ãng trình theo ch ã tr ãng chung c a tr ãng.

Th c t ào t o sau 4 n m theo ch ãng trình 120TC ã b c l c ó nh ãng b t c p sau:

1.S l ãng 120 TC ào t o Ti ãng Anh cho sinh viên khu v c Nam Trung b và Tây nguyên là ch a phù h p :

+ a s sinh viên khu v c này ã là nông thôn nghèo, i u ki n h c ti ãng Anh theo ph ãng pháp th c hành giao ti p là r t th p. S l ãng gi ãng lên l p quá ít so v i yêu c u h c ngo i ãng là th c hành giao ti p và ãng h i s t ãng tác cao.

+ V n hoá Vi t Nam –con cái ãng nhà ph thu c cha m , ãng l p ph thu c th y cô ãng t o cho SV c ó tính t l p r t th p v y n u s th i gian ãng lên l p th p thì v i c t h c s ãng không h i u qu .

2. M t s môn c s ãng quan tr ãng ch a c thi t k là môn b t bu c d n ãng ch t l ãng giao ti p (ãnghe+ ãng nói+ ãng c+ ãng vi t) th p h n so v i ch ãng trình tr c ãng. (theo ánh giá c a gi ãng viên và sinh viên t t ãng nghi p) .

3. ãng h ãng chuyên ngành c a m t s ãng ngành ch a phù h p th c ti n nhu c u v i c ãng làm xã h i và nhu c u s th i c a sinh viên.

+ Biên Phiên dịch du l ch : ãng hi n nay các nhà tuy n d ãng ãng ãng h i sinh viên t t ãng nghi p giao ti p tr c ti p v i ãng i n c ngoài vì v y sinh viên h c BPD du l ch ãng không ãng v i nhu c u th c ti n

+ Biên Phiên dịch CNTT, BPD cơ khí, Khai thác...: thất bại cho thấy không có sinh viên chuyên ngành này vì khi SV thi vào ngành Ngôn ngữ Anh là họ đã đi theo ngành khi vào khoa học xã hội.

IV. QUY TRÌNH HOÀN THIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Theo hướng dẫn của Bộ Nhà Trường xây dựng chương trình theo cách tiếp cận của phương thức 4 bậc để mở đầu: “đi từ nhu cầu và hình thành ý tưởng - Xây dựng chương trình - Tiến hành thử nghiệm Triển khai và vận hành (Conceive - Design - Implement – Operate, gọi tắt là CDIO).

IV.1. ĐIỀU TRA NHU CẦU VÀ HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG

Thông tin về chương trình được khảo sát trên 2 nguồn:

1. Khoa đã tiến hành khảo sát theo mục tiêu trong 11 cơ sở doanh nghiệp trong đó có 8 phiêu là các doanh nghiệp Du lịch, 3 phiêu là TT - Ngoại ngữ và khảo sát trực tiếp 2 doanh nghiệp.

Kết quả tóm tắt như sau:

- + Nhu cầu sinh viên ngành ngôn ngữ Anh ra trường làm trong ngành Du lịch.
- + Các doanh nghiệp luôn coi trọng nhân lực là quan trọng nhất.
- + Các doanh nghiệp giao tiếp Tiếng Anh mức độ đánh giá là khá.
- + Cần mở thêm Ngoại ngữ Trung, Nhật, Nga, Hàn Quốc.
- + Sinh viên nên có trang bị kiến thức lãnh đạo và kỹ năng quản lý.

2. Tham khảo ý kiến của giảng viên

+ Các giảng viên nhận xét: thời lượng chương trình không phù hợp để mở đầu kiến thức giao tiếp.

- + Số lượng sinh viên học và đi làm ngày càng cao.
- + Số lượng sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa giảm.
- + Ý thức trách nhiệm vì công việc giảm sút so với chương trình trước đây.

IV.2 XÂY DỰNG CHỖ NG TRÌNH

Dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn và thực tiễn giảng dạy xây dựng chỗ ngồi làm theo 10 bước sau :

1. Lựa chọn thành viên 2. thu thập thông tin; 3. thống kê đánh giá thông tin; 4. hình thành ý tưởng hoàn thiện chỗ ngồi; 5. xây dựng chỗ ngồi; 6. báo cáo trình bày; 7. hội thảo ý kiến đóng góp; 8. triển khai chỗ ngồi; 9. hoàn thiện chỗ ngồi; 10. công bố chính thức

1. Lựa chọn 9 thành viên chỗ ngồi theo tiêu chí:

+ Các giảng viên đã có kinh nghiệm thiết kế chỗ ngồi **2002, 2010, 2012, 2013, 2016**

+ Các giảng viên mĩ thuật Tin học.

+ Các TBM và BCN khoa.

2.3.4 Tiêu chuẩn 4 cụ thể tranh luận và tiến trình xây dựng chỗ ngồi theo các nguyên tắc và hình thức sau :

1. Chỗ ngồi hoàn thiện trên nền chỗ ngồi c 2013.
2. Chỗ ngồi tổng là **150 TC** kể GDTC và GDQP.
3. Chỗ ngồi sẽ thêm các hình thức nâng cao kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh (nghe , nói , đọc , viết , ngữ pháp, phát âm)
4. Chỗ ngồi sẽ tổng số cho NN 2 (Nga, Pháp, Trung, Nhật) là **12 TC** so với yêu cầu nhà trường là **8 TC**.
5. Chỗ ngồi sẽ chia theo hình thức 3 chuyên ngành:
 1. Biên – Phiên Dịch : ngành Anh
 2. Tiếng Anh Du lịch : Ngành chính phủ
 3. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
6. Chỗ ngồi sẽ khuyến khích **học phần nhúng** trong chỗ ngồi ngôn ngữ Anh hoặc các chỗ ngồi khác.

7. Chương trình sinh ngữ nào có **chất lượng không ch y theo s l ng.**
8. Chương trình sinh ngữ nào có **NN k t h p v i giáo d c nhân cách, phát tri n t duy.**
9. Chương trình sinh ngữ nào **o l y ng i h c làm trung tâm và ph c v nhu c u xã h i.**

5.Thi t k xây d ng ch ng trình theo phân công

6. Báo cáo tr c h i th o c p khoa

V. CH NG TRÌNH C TH .

I. THÔNG TIN CHUNG

II. M C TIÊU ÆO T O

II.1. M c tiêu chung:

II.2. M c tiêu c th :

III. CHU N U RA

III.1. N i dung chu n u ra :

III.2. nh h ng ngh nghi p sau khi t t nghi p :

IV. N I DUNG CH NG TRÌNH

IV.1. C u trúc ch ng trình ào t o

IV.2. i t ng tuy n sinh

IV.3. Quy trình ào t o, i u ki n t t nghi p

IV.4. N i dung ch ng trình ào t o

IV.5. K ho ch gi ng d y theo h c k

IV.6. L u k ho ch th c hi n ch ng trình

IV.7. Mô t v n t t n i dung các h c ph n

IV.8. Danh sách gi ng viên th c hi n ch ng trình (c h u, th nh gi ng):

IV.9. Các v t ch t ph c v gi ng d y và h c t p

K t lu n: Hoàn thi n ch ng trình theo chu k là m t ho t ng quan tr ng và hoàn thi n ch ng trình theo úng h ng s góp ph n nâng cao ch t l ng ào t o và kh ng nh th ng hi u c a ngành ào t o. Ngành ngôn ng Anh hoàn thi n theo 9 nh h ng nh ã trình bày ph n IV.2.

Tài li u tham kh o:

1. Bilbao, P. P., Lucido, P. I., Iringan, T. C., and R. B. Javier (2008). Curriculum development. Philippines: Lorimar Publishing, Inc.
2. Richards, J. C. 2001. Curriculum Development in Language Teaching. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Xây d ng các ch ng trình ào t o m i phù h p v i k ho ch phát tri n c a i h c Qu c gia Hà N i – 2009.

XÂY DỰNG CÁC HỌC PHẦN MỚI SẴN NGÀNH CÁC CHUYÊN TRÌNH NGÔN NGỮ ANH

ThS: Lê Hoàng Duy Thuận

B môn: Thực hành Tiếng

I. MỞ ĐẦU

Trong tiến trình tiến bộ hiện đại và nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu nói chung ở Việt Nam, các khoa và viện trong trường đang khẩn trương xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các chuyên trình khung nhằm đáp ứng tốt khóa 58. Đây cũng là học tập và nghiên cứu tiến hành thực hiện xuyên suốt áp dụng nhu cầu thay đổi, phát triển không ngừng của xã hội.

Bài viết này giới thiệu về xây dựng các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở các chuyên trình học ngành Ngôn ngữ Anh.

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

Các học phần cơ sở ngành được xây dựng và bổ sung trên cơ sở dựa vào mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của các chuyên trình (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT). Khối kiến thức cơ sở đóng vai trò nền tảng cho việc phát triển chuyên ngành (NNA) của ngành. Do đó, ngoài những học phần bắt buộc, ngành có các học phần lựa chọn nhằm phù hợp phát triển tiềm năng và sở trường cá nhân, giúp cho việc hình thành chuyên ngành và chọn tìm việc làm sau này.

2. Khối kiến thức cơ sở ngành Ngôn ngữ Anh

2.1. Số lượng và quy mô

Tổng khối kiến thức cơ sở ngành Ngôn ngữ Anh là 46 tín chỉ, chiếm 30,6% tổng khối kiến thức toàn chuyên trình (150 tín chỉ). Trong tổng số 46 tín chỉ, mức sinh viên phải học 38 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn (chiếm 17% tổng số tín chỉ, và nằm trong quy định học phần tự chọn phải chiếm từ 15 đến 20% mức khối kiến thức).

Các h c ph n b t bu c bao g m:

- Nghe, Nói, c, Vi t 1, 2, 3, 4: 32 TC
- Ng âm th c hành 1: 2 TC
- Ng pháp 1: 2 TC
- Ngo i khóa TA: 2 TC

So sánh v i ch ng trình hi n nay (khóa 55 n 57), các h c ph n Ng âm th c hành 1, Ng pháp 1 và Ngo i khóa Ti ng Anh c a vào các h c ph n b t bu c do tính c n thi t c a chúng.

Các h c ph n t ch n bao g m:

- Ng âm TH 2: 2TC
- T v ng: 2TC
- Ng pháp 2: 2 TC
- K n ng giao ti p tr c công chúng: 2 TC
- Vi t nâng cao: 2TC
- Nghe nâng cao: 2TC
- c nâng cao: 2TC

Trong s 7 h c ph n t ch n v i t ng s tín ch là 14, sinh viên c phép ch n 4 h c ph n (8 tín ch).

2.2. Phân b theo h c k

| HK | HP b t bu c | HP t ch n | T ng s TC |
|-----------|---|--------------------------------------|------------------|
| 1 | Nghe, Nói, c, Vi t 1, Ng âm TH 1, Ng pháp 1 (12 TC) | không | 12 TC |
| 2 | Nghe, Nói, c, Vi t 2 (8 TC) | Ng âm TH 2 /T v ng /Ng pháp 2 (4 TC) | 12 TC |
| 3 | Nghe, Nói, c, Vi t 3, (8 TC) | không | 8 TC |
| 4 | Nghe, Nói, c, Vi t 4 (8 TC) | không | 8 TC |

| | | | |
|---|----------------------|---|--------------|
| 5 | Ngo i khóa TA (2 TC) | Giao ti p tr c công chúng / Vi t nâng cao / Nghe nâng cao / c nâng cao (4 TC) | 6 TC |
| | 38 TC | 8 TC | 46 TC |

2.3. Mô t v n t t

So v i ch ng tr ình hi n nay, 4 k n ng Nghe, Nói, c và Vi t c i u ch nh l ic p phù h p và th c t h n. C th , các h c ph n này ch ng tr ình hi n nay ào t o ng i h c t c p t A2 n C1 (t ng ng b c 2 n 5 c a khung n ng l c ngo i ng Vi t Nam). Tuy v y, i u này không phù h p và thi u th c t b i hai lý do chính sau: th nh t, ch ng tr ình ã ánh ng tr ình k n ng ti ng c a sinh viên sau hai n m u i h c v i sinh viên t t nghi p i h c; th hai, theo quy t nh c a Th t ng Chính ph , quy nh chu n u ra c a sinh viên cao ng chuyên ng là b c 4 (t ng ng B2 c a khung tham chi u Châu Âu) (Quy t nh 1400/Q – TTg). Do ó, ch ng tr ình m i này, các h c ph n k n ng ti ng c i u ch nh u ra t ng ng là A2+, B1, B1+ và B2. (xem *ph l c*)

3. So sánh i chi u

| | Kh i ki n th c CS ngành hi n hành | Kh i ki n th c CS ngành m i (t K58) |
|---------------------------|--|--|
| T ng s HP | 22 | 26 |
| T ng s TC | 40 | 46 |
| T ng s HP b t bu c | 16 | 19 |
| T ng s HP t ch n | 6 | 7 |
| T ng s TC b t bu c | 32 | 38 |
| T ng s TC t ch n | 8 | 8 |

T b ng so sánh trên, có th th y nh ng u i m c a c u trúc kh i ki n th c c s ngành m i c a ch ng trình. Th nh t, sinh viên có c h i rên luy n k n ng tí ng c a mình nhi u h n, c bi t là ng âm và ng pháp. Th hai, sinh viên c ch n nhi u h c ph n t ch n h n, c bi t là các h c ph n nâng cao (4 h c ph n thay vì 2 nh hi n nay).

III. K T LU N

V i nh ng thay i trong vi c xây d ng và c p nh t các h c ph n thu c kh i ki n th c c s ngành, hy v ng r ng i u này s óng góp vào s thay i chung nh m t ng tính hi u qu , phù h p th c t c a toàn ch ng trình ngành Ngôn ng Anh ng th i nâng cao ch t l ng d y và h c.

Tài li u tham kh o

1. EAQUALS Bank as levels –(2008). Retrieved 22/6/2016 from www.equals.org
2. EAQUALS Bank as scales –(2008). Retrieved 22/6/2016 from www.equals.org
3. Quy t nh 1400/Q – TTg (V vi c phê duy t án "D y và h c ngo i ng trong h th ng giáo d c qu c dân giai o n 2008 – 2020")
4. Quy t nh 439/Q – HNT (v vi c ban hành Ch ng trình kh i giáo d c i c ng trình i h c h chính quy)
5. Thông báo 357/TB – HNT (v vi c i u ch nh k ho ch c p nh t ch ng trình ào t o)
6. Thông báo 789/TB – HNT (v vi c c p nh t ch ng trình o t o i h c, cao ng hình th c chính quy)
7. Thông t 01/2014/TT – BDG T (ban hành khung n ng l c 6 b c dùng cho Vi t Nam)
8. Thông t 07/2015/TT-BGD T
9. Ch ng trình Ngôn ng Anh H Nha Trang (ch ng trình khung, chu n u ra).

Ph 1 c: Danh mục các học phần thu chi khi kết thúc các môn học và mô tả nội dung

1. Ngữ âm thực hành 1 (Pronunciation in Use 1) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học kỹ thuật ngữ âm và âm vị tiếng Anh, hệ thống phiên âm quốc tế IPA; giúp người học phân biệt các âm khác nhau giữa các vị trí, ngữ âm và âm vị của tiếng Anh và tiếng M. Kỹ thuật học phần, người học có khả năng phát âm đúng các âm, từ, các câu, các mẫu hội thoại ngắn theo chủ đề của người Anh để hiểu và phát triển khả năng nghe nói.

2. Ngữ âm thực hành 2 (Pronunciation in Use 2) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học kỹ thuật và bài tập về các yếu tố siêu âm tính trong ngữ âm như: trọng âm từ, trọng âm câu, cách nối âm, ngữ điệu và các chức năng của chúng trong tiếng Anh. Trên cơ sở đó, người học có thể nghe và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh. Ngoài ra, học phần này giúp người học hoàn thiện ngôn ngữ, khả năng sử dụng ngôn ngữ và phát triển kỹ năng nghiên cứu trong tương lai.

3. Nghe 1 (Listening 1) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học phương pháp nghe theo các chủ đề: chào hỏi, giới thiệu bản thân, công việc hàng ngày, giới trí và sở thích, gia đình và các mối quan hệ xã hội. Ngoài ra, người học sẽ rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu, các hội thoại ngắn theo các chủ đề trên và phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế KET. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng nghe hiểu tốt cấp A2+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

4. Nghe 2 (Listening 2) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học phương pháp nghe theo các chủ đề: tình yêu, nghiên cứu, giao thông, và môi trường. Ngoài ra, người học sẽ rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu, các hội thoại, bài phỏng vấn theo các chủ đề trên và phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế PET. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng nghe hiểu tốt cấp B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

5. Nghe 3 (Listening 3) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học phương pháp nghe theo các chủ đề: giáo dục và đào tạo, phỏng vấn tuyển sinh, sức khỏe và văn hóa. Ngoài ra, người học sẽ

rèn luyện các kỹ thuật nghe hiểu bài giảng, các thoại, hội thoại, đối thoại và văn bản dài theo các chủ đề trên và phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể nghe hiểu tốt cấp B1+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

6. Nghe 4 (Listening 4)

2 TC

Học phần cung cấp cho người học phương pháp nghe các bài giảng hội thoại, các chủ đề tin tức, hội thoại và bài phát biểu dài theo các chủ đề: ngôn ngữ và giao tiếp, du lịch, công nghệ thông tin, thể thao. Ngoài ra, học phần giúp người học làm quen và luyện tập các phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế như TOEIC, IELTS, FCE. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng nghe hiểu tốt cấp B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

7. Nói 1 (Speaking 1)

2 TC

Học phần rèn luyện người học kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề: chào hỏi và giới thiệu bản thân, gia đình, công việc hàng ngày, sở thích và các hình thức giải trí. Ngoài ra, người học sẽ rèn luyện các kỹ năng trình bày, thảo luận theo cặp, nhóm. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể giao tiếp tốt cấp A2+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

8. Nói 2 (Speaking 2)

2 TC

Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề: thị trường, giao thông, nghề nghiệp, các mối quan hệ và kế hoạch tương lai. Ngoài ra, người học sẽ rèn luyện các kỹ năng thảo luận, trao đổi thông tin và trình bày cá nhân và theo nhóm. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể giao tiếp tốt cấp B1 của khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

9. Nói 3 (Speaking 3)

2 TC

Học phần rèn luyện người học các kỹ năng xử lý các tình huống, chủ đề thảo luận theo các chủ đề: giáo dục, phát triển truyền thông, sức khỏe và văn hóa và giải trí. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể giao tiếp nghe nói tốt cấp B1+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

10. Nói 4 (Speaking 4)

2 TC

Học phần cung cấp cho người học cấu trúc câu, kiến ngữ vi t câu cơ bản và vị trí của từ trong câu. Người học nắm vững ngữ pháp còn học. Người học nắm vững ngữ pháp hay gặp trong vị trí câu và ý thức tạo thành ngữ pháp sai. Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến ngữ vi t tối thiểu A2+ theo chuẩn Châu Âu (CEFR).

16. Viết 2 (Writing 2)

2 TC

Học phần rèn luyện cho người học cách viết đơn văn theo hình thức văn bản, thể loại chỉ dụ - so sánh, nguyên nhân - kết quả. Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến ngữ vi t tối thiểu B1 theo chuẩn Châu Âu (CEFR).

17. Viết 3 (Writing 3)

2 TC

Học phần rèn luyện cho người học cách viết các bài luận theo dạng học thuật gồm các thể loại tranh luận, thơ luận và báo cáo. Người học cần nắm vững cách trình bày ý tưởng, suy nghĩ của mình qua ngôn ngữ viết tiếng Anh, mở rộng luận và quan tâm hỗ trợ cho bài viết về lĩnh vực học, ví dụ về thể văn kết luận phù hợp. Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến ngữ vi t tối thiểu B1+ theo chuẩn Châu Âu (CEFR).

18. Viết 4 (Writing 4)

2 TC

Học phần rèn luyện cho người học cách viết bài báo, thể thao, mĩ thuật, sự kiện, báo cáo. Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến ngữ vi t tối thiểu B2 theo chuẩn Châu Âu (CEFR).

19. Từ vựng (Vocabulary in Use)

2 TC

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm, các từ vựng và phương pháp học từ vựng tiếng Anh; giúp luyện tập kiến ngữ vi t trong giao tiếp theo chủ đề: thế giới quanh ta, con người, công việc và cuộc sống hàng ngày, giải trí, giao tiếp về công nghệ. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng phát triển và nắm vững một cách khoa học phương pháp học từ vựng và làm việc sau này.

20. Ngữ pháp 1 (grammar in use 1)

2 TC

Học phần cung cấp cho người học kiến ngữ vi t ngữ pháp các từ và các thì trong tiếng Anh và các từ loại: danh từ và các từ liên quan đến danh từ, động từ và các từ liên

quan n ng t . H c ph n giúp ng i h c n m c các c u trúc ng pháp theo các c p : t , c m t và câu liên quan n danh t và ng t . Ngoài ra, h c ph n c ng cung c p ng i h c môi tr ng th c hành s d ng các c u trúc ng pháp trong giao ti p m t cách chính xác và hi u qu .

21. Ng pháp 2 (grammar in use 2) 2 TC

H c ph n cung c p cho ng i h c kĩ n th c t ng h p v c i m t lo i: tính t , tr ng t , gi i t và liên t . Sau khi k t thúc h c ph n, ng i h c n m c các c u trúc ng pháp nâng cao theo các c p : t , c m t , m nh , câu và o n v n.

22. K n ng giao ti p tr c công chúng (Public speaking) 2TC

H c ph n rèn luy n cho ng i h c các k n ng giao ti p m c nâng cao. H c ph n rèn luy n các k n ng tranh lu n, thuy t ph c, thuy t trình có m c ph c t p cao; giúp ng i h c phát huy kh n ng giao ti p c l p, l u loát, t tin và thuy t ph c. Sau khi k t thúc h c ph n, ng i h c có th nói tr c ám ông, công chúng m t cách bài b n, t tin và khoa h c, có k n ng nói t c p B2+ theo khung tham chi u Châu Âu (CEFR).

23. K n ng vi t nâng cao (Advanced writing) 2TC

H c ph n Vi t nâng cao t p trung vào h ng d n ng i h c các k n ng vi t bài v n khoa h c và ph c t p nh bài báo, bài phê bình và xu t, ngh , CV. H c ph n này c thi t k giúp ng i h c vi t c bài v n chi ti t, rõ ràng, b c c ch t ch v các ch ph c t p, g n v i môi tr ng làm vi c t ng lai c a ng i h c. Ngoài ra, ng i h c c rèn luy n cách trình bày ý t ng, suy ngh c a mình qua ngôn ng vi t ti ng Anh, m r ng l p lu n và quan i m h tr cho bài vi t v i nh ng b ng ch ng, ví d c th v k t lu n phù h p. Sau khi k t thúc h c ph n, ng i h c có k n ng vi t t c p B2+ theo chu n Châu Âu (CEFR).

24. c nâng cao (Advanced reading) 2 TC

H c ph n cung c p cho ng i h c nh ng k thu t c nâng cao nh c ph n bi n, c suy oán, c t c . Ng i h c làm quen v i các bài ki m tra qu c t nh IELTS, TOEFL hay CAE. K t thúc h c ph n, ng i h c có k n ng c hi u t c p B2+ theo khung tham chi u Châu Âu (CEFR)

25. Nghe nâng cao (Advanced listening) 2 TC

Học phần cung cấp cho người học những kỹ thuật nghe nâng cao như nghe hiểu nội dung chính, các thông tin chi tiết, thái độ ngôn ngữ quan tâm của người nói trong các bài nói, độc thoại, đối thoại, bài phỏng vấn dài và ngắn. Người học cần làm quen và luyện tập các phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế IELTS, TOEIC, CAE. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng nghe hiểu tốt cấp B2+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

26. Ngoại khóa Tiếng Anh (Language skills practicum) 2 TC

Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc có sử dụng Ngôn ngữ Anh; luyện tập các kỹ thuật điếu tra, thu thập thông tin, khảo sát thực tế, viết báo cáo và trình bày báo cáo trong môi trường làm việc giúp người học phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình, phân tích đánh giá tình hình thực tế.

M C TIÊU CH NG TRÌNH ào T O I H C NGÀNH NGÔN NG ANH

ThS: ng Ki u Di p
B môn: Biên Phiên d ch

I. t v n

Vi t Nam ang b c vào giai o n h i nh p Asian và th gi i vì v y vi c rà soát ánh giá l i ch ng trình ào t o k p th i có nh ng s a i c p nh t là m t nhi m v c n thi t cho các tr ng ang th c hi n các ch ng trình giáo d c nh m m b o áp ng c s phát tri n trong giai o n m i. Th c hi n yêu c u ánh giá l i ch ng trình ào t o do B Giáo d c ào t o ra, tr ng i h c Nha trang ang ti n hành các b c c n thi t nh m có nh ng thay i và c p nh t k p th i. Bài báo cáo này c p vi c ánh giá l i ch ng trình ào t o i h c ngành ngôn ng Anh, c th là thay i và c p nh t m c tiêu ch ng trình d a trên chu n ánh giá do B giáo d c ào t o ra theo thông t 07/2015/TT-BGD T, ngày 16/4/2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o.

II. Nguyên t c ánh giá l i m c tiêu ch ng trình ào t o ngành ngôn ng Anh

D a trên m u ánh giá l i ch ng trình ang c ban hành, các m c tiêu chung và c th c a ch ng trình ào t o ngành ngôn ng Anh ã c rà soát có nh ng thay i v n i dung nh m áp ng các tiêu chí c s d ng làm c n c ánh giá. Các tiêu chí ánh giá c th nh sau:

- Thông t 07/2015/TT-BGD T, ngày 16/4/2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o quy nh v kh i l ng ki n th c t i thi u, yêu c u v n ng l c mà ng i h c t c sau khi t t nghi p i v i m i trình ào t o c a giáo d c i h c và quy trình xây d ng, th m nh, ban hành ch ng trình ào t o trình i h c, th c s, ti n s .
- Chu n ki m nh CT T c a Vi t Nam và Khu v c ông Nam Á (AUN).
- Ý ki n ph n h i c a các bên liên quan (các t ch c xã h i – ngh nghi p, nhà tuy n d ng lao ng, c u sinh viên, sinh viên ang h c...) i v i ngành ngh ào t o.
- Kinh nghi m ào t o c a khoa/vi n trong nh ng n m qua và tham kh o

Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước.

Các tiêu chí này được xem như là cơ sở đánh giá mà dựa vào đó các câu hỏi về nội dung của các tiêu chuẩn chung được đặt ra, theo luận như sau: Liệu Mục tiêu chung của chương trình ngôn ngữ Anh đã phù hợp với trình độ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động/xã hội?

Xuất phát từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của ngành được xem xét nhằm bố trí hình thức các trường chuyên môn của ngành đào tạo, có sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn và sự phát triển của Nhà trường và của khoa, ngành học nhằm thúc đẩy phát triển toàn diện của ngành đại học.

Ngoài ra, một số chuẩn và chương trình đào tạo đại học của các trường có uy tín cũng được tham khảo như:

- Chuẩn AUN- Khung tham chiếu trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Châu Âu.
- + Tài liệu tham khảo: Council of Europe (2011).
- + Tài liệu tham khảo: [Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment](http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/CADRE_EN.asp). Council of Europe. http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/CADRE_EN.asp.
- Chương trình ngành Tiếng Anh Biên-Phiên dịch và Tiếng Anh-Quản trị Du lịch.
- + Tên tổ chức xây dựng: Đại học Hà Nội
- + Tài liệu tham khảo: www.uls.vnu.vn
- Chương trình ngành ngôn ngữ Anh.
- + Tên tổ chức xây dựng: Đại học Bách Khoa Hà Nội
- + Tài liệu tham khảo: www.hut.edu.vn
- Chương trình ngành ngôn ngữ Anh.
- + Tên tổ chức xây dựng: Học viện Ngoại giao
- + Tài liệu tham khảo: www.hut.edu.vn
- Chương trình ngôn ngữ Anh.
- + Tên tổ chức xây dựng: Clark University và University of Cambridge

+ sách / tài liệu tham khảo:

<http://www.clarku.edu/departments/english/undergraduate/outcomes.cfm>.

Trên đây là các số điểm nhận xét và các phần tóm tắt tiêu chuẩn chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trường Đại học Nha Trang để trình bày phần sau.

III. Mục tiêu chuẩn chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh

III.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục Đại học ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp cho sinh viên môi trường và nền tảng học tập giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công và cống hiến trong các lĩnh vực có sử dụng ngôn ngữ Anh, đáp ứng nhu cầu xã hội và hình phạt.

III.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục Đại học ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp môi trường giáo dục đào tạo hiệu quả nhằm trang bị cho người học các phẩm chất, kỹ năng và kiến thức sau:

Hiểu và vận dụng những kỹ năng cần thiết, tổng quát và các kỹ năng đặc biệt thích hợp để phát triển không ngừng cá nhân và xã hội, nâng cao trình độ chuyên môn giáo dục chuyên nghiệp. Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp tối thiểu 5 (tương đương chuẩn C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu CEFR).

- Biên-phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Sử dụng tiếng Anh làm việc trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lễ tân.

- Giảng dạy Ngôn ngữ Anh.

- Sử dụng 1 trong 4 ngôn ngữ (Nga, Pháp, Trung, Nhật) trong giao tiếp xã hội trình độ sau:

Tiếng Pháp: tối thiểu tương đương chuẩn DELF A1.

Tiếng Nga: tài liệu học tập TBU.

Tiếng Trung: tài liệu học tập HSK 2.

Tiếng Nhật: tài liệu học tập JLAN.

IV. Kết luận:

Mục tiêu chung và cách thức học tập đào tạo tiếng Anh được thiết lập dựa trên các tiêu chí đánh giá chuẩn nhằm đáp ứng các yêu cầu thay đổi của giai đoạn mới của ngành thông tin và truyền thông và đào tạo. Mục tiêu này sẽ tiếp tục được rà soát và chỉnh sửa theo lộ trình.

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Chuẩn AUN- Khung tham chiếu trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Châu Âu.
3. Chương trình đào tạo tiếng Anh.

XÂY DỰNG CÁC HÌNH CẤP NÂNG CAO NHÓM NGÀNH BIÊN PHIÊN DỊCH, CHUYÊN TRÌNH NGÔN NGỮ ANH

*Th.S:Trần Thị Thúy Quỳnh
Bên môn: Biên Phiên dịch*

IV. MÔ TẢ

Thực hiện quy định về việc cấp phát chuyên trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học, cao đẳng hình thức chính quy của trường Đại học Nha Trang (theo thông báo số 789/TB-HNT), Trường cấp phát CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đã tiến hành rà soát và cấp phát CTĐT.

Bài viết này nhằm giới thiệu về xây dựng các hình thức phân tích kỹ năng thực nghiệm, nhóm ngành Biên-phiên dịch của chuyên trình đại học ngành Ngôn ngữ Anh.

V. NỘI DUNG

4. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chuyên trình đào tạo nhóm ngành biên phiên dịch được rà soát và cấp phát dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cụ thể như sau

- Thông báo 789/TB-HNT ngày 30/12/2015 về việc cấp phát CTĐT trình độ đại học, cao đẳng hình thức chính quy
- Phân tích của các bên liên quan (các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên...) về ngành nghề đào tạo
- Kinh nghiệm đào tạo của khoa trong những năm qua (chuyên trình đào tạo hiện nay hay có các nhóm Biên Phiên dịch CNTT, BPD cụ thể, Khai thác...: những thực tế cho thấy không có sinh viên chuyên ngành này vì khi SV thi vào ngành Ngôn ngữ Anh là hầu hết theo nguyện vọng khoa đại học xã hội)
- Tham khảo CTĐT của các trường uy tín có đào tạo cùng chuyên ngành trong cùng ngành.

2. Kỹ năng thực nghiệm nhóm ngành Biên-phiên dịch

a. Số lượng và quy mô

Vì CT T c p nh t này, sinh viên s ch n l trong 3 nhóm ngành tích l y sau khi hoàn t t các h c ph n b t bu c c a kh i ki n th c ngành. Các h c ph n c a t ng nhóm ngành này c tính là các ph n t ch n c a kh i ki n th c ngành. V i kh i ki n th c ngành, ngoài các h c ph n b t bu c (24TC) mà c 3 nhóm ngành u ph i xây d ng (ng âm-âm v h c; hình thái h c; cú pháp h c; ng ngh a-ng d ng h c; v n h c Anh; v n h c M ; v n hóa Anh; v n hóa M ; Ph ng pháp NCKH; th c t p t t nghi p), nhóm ngành biên-phiên d ch xu t xây d ng các h c ph n sau (30TC):

- Lý thuy t d ch
- Tiếng Anh chuyên ngành
- Biên d ch 1
- Phiên d ch 1
- Biên d ch 2
- Phiên d ch 2
- Biên d ch 3
- Phiên d ch 3
- Khóa lu n t t nghi p

Môn thay th khóa lu n t t nghi p

- Biên d ch chuyên ngành
- Phiên d ch chuyên ngành
- Ngo i khóa biên d ch
- Ngo i khóa phiên d ch

b. So sánh kh i ki n th c c a CT hi n hành và CT T c p nh t

| | Kh i ki n th c chuyên nghi p hi n hành | Kh i ki n th c chuyên nghi pc p nh t (t K58) |
|---------------------------|---|---|
| T ng s TC | 45 | 54 |
| T ng s TC b t bu c | 27 | 24 |
| T ng s TC t ch n | 18 | 30 |

So sánh với chương trình hiện nay thì chương trình cập nhật có những ưu điểm sau. Thứ nhất, tín chỉ tổng (9TC) giúp sinh viên có nhiều thời gian tích lũy kiến thức và thực hành kỹ năng hơn. Thứ hai, tín chỉ tổng (12TC) thể hiện sự linh hoạt và đa dạng trong các môn học, sự áp dụng cao hơn nhu cầu và sở thích cá nhân của sinh viên. Ngoài ra, CTĐT cập nhật, các môn học được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội và đúc rút kinh nghiệm từ chương trình đào tạo hiện hành. (Chương trình hiện hành phân nhóm ngành biên phiên dịch thành các nhóm như biên phiên dịch công nghệ sinh học, biên phiên dịch CNTT, biên phiên dịch nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên trong những năm qua không có sinh viên nào đăng ký học nhóm học phần này).

c. Phân bố theo học kỳ

| HK | HP bắt buộc | HP tự chọn | Tổng số TC |
|-----------|--|---|-------------------|
| 5 | Ngữ âm-âm vị học, hình thái học, cú pháp học, ngữ nghĩa- ngữ dụng học, | Lý thuyết dịch, tiếng Anh chuyên ngành, biên dịch 1, phiên dịch 1 | 18 TC |
| 6 | Văn học Anh, văn học M, văn hóa Anh, văn hóa M | Biên dịch 2, phiên dịch 2 | 14 TC |
| 7 | Phương pháp NCKH Thực tập tốt nghiệp | Biên dịch 3, phiên dịch 3 | 12 TC |
| 8 | không | Khóa luận tốt nghiệp/ Học các học phần thay thế (biên dịch chuyên ngành, phiên dịch chuyên ngành, ngoại khóa biên dịch, ngoại khóa phiên dịch) | 10 TC |

VI.K T L U N

Rà soát và c p nh t ch ng trnh ào t o phù h p v í th c t i n và nhu c u xã h i là m t ho t ng c p thi t c a m i c s giáo d c. Ch ng trnh ào t o nhóm ngành biên phiên d ch m i v i nh ng i u ch nh, thay i c xây d ng trên c s lý thuy t và c s th c t i n hy v ng s góp ph n nâng cao ch t l ng ào t o c a ngành nói riêng và c a toàn tr ng nói chung.

TÀI LI U THAM KH O

10. Thông báo 357/TB – HNT (v vi c i u ch nh k ho ch c p nh t ch ng trnh ào t o)
11. Thông báo 789/TB – HNT (v vi c c p nh t ch ng trnh o t o i h c, cao ng hình th c chính quy)
12. Ch ng trnh Ngôn ng Anh H Nha Trang (ch ng trnh hi n hành).
13. Ch ng trnh ngành Ti ng anh Biên-Phiên d ch và Ti ng anh-Qu n tr Du l ch, H Hà N i www.uls.vnu.vn
14. Ch ng trnh ngành ngôn ng Anh, H Ngo i ng , H à N ng, <http://ufl.udn.vn/vie/>
15. Ch ng trnh ngành ngôn ng Anh, H Ngo i ng Hu , <http://hucfl.edu.vn/vi/>
16. Ch ng trnh ngành ngôn ng Anh, i h c M TPHCM, <http://www.ou.edu.vn/>

Ph 1 c: Mô t v n t t h c ph n nhóm ngành biên-phiên d ch

Lý thuy t d ch (Theory of Translation)

H c ph n cung c p cho ng i h c nh ng nguyên lý c b n trong l nh v c d ch thu t bao g m hình th c và ng ngh a; phân lo i biên phiên d ch; k thu t biên phiên d ch. Ngoài ra, h c ph n cung c p cho ng i h c nh ng ki n th c v ngh biên phiên d ch, và các bài t p th c hành. K t thúc h c ph n sinh viên có th áp d ng lý thuy t biên phiên d ch các v n b n d ng n gi n.

Biên d ch 1 (Translation Practice 1) 2TC

H c ph n cung c p cho sinh viên ki n th c v các c p ngôn ng , lo i hình biên d ch, k thu t biên d ch giúp ng i h c có kh n ng ng d ng lý thuy t d ch vào th c hành biên d ch c p câu, các lo i m nh và các o n v n ng n theo ch : v n hoá, giáo d c, gi i trí, khoa h c th ng th c. K t thúc h c ph n sinh viên có k n ng biên d ch các o n v n ng n Anh - Vi t, Vi t - Anh theo các ch trên.

Biên d ch 2 (Translation Practice 2) 2TC

H c ph n cung c p cho sinh viên t v ng, thu t ng chuyên ngành và các c u trúc ng pháp th c hành d ch c p v n b n theo các ch : dân s , môi tr ng, di dân, ô th hóa, y t , du l ch. Ngoài ra, h c ph n còn trang b cho sinh viên k n ng biên d ch, t m r ng v n t thu c các ch trong ch ng trình và linh ho t khi di n t b ng ngôn ng ích. K t thúc h c ph n, sinh viên t c k n ng biên d ch l u loát và chính xác v các ch trên.

Biên d ch 3 (Translation Practice 3) 3TC

H c ph n cung c p cho sinh viên t v ng, c u trúc ng pháp, thu t ng chuyên ngành c p v n b n theo các ch : th ng m i, th thao, v n h c, chính tr , công ngh , toàn c u hóa, các v n xã h i. Ngoài ra, sinh viên c trang b các k thu t biên d ch, k n ng i chi u d ch thu t, phân tích và ánh giá b n d ch. K t thúc h c ph n, sinh viên có kh n ng biên d ch các lo i hình v n b n v các ch trên m t cách thành th o, t nhiên, chính xác và úng v n phong.

Phiên d ch 1 (Interpretation 1) 2 TC

H c ph n trang b cho ng i h c nh ng ki n th c c b n v các lo i hình phiên d ch, ti n trình phiên d ch, tiêu chí, quy t c o c c n thi t i v i ng i phiên d ch. Ngoài ra, h c ph n rèn luy n các k n ng nghe hi u, k n ng thuy t trình tr c công chúng, tóm t t v n b n, ghi t c ký, k n ng ghi nh thông qua các bài

t p th c hành v các ch : v n hoá, giáo d c, kinh t , gi i trí, du l ch. K t thúc h c ph n, sinh viên có th phiên d ch Anh - Vi t, Vi t - Anh c p c b n theo các ch trên.

Phiên d ch 2 (Interpretation 2) 2 TC

H c ph n trang b cho ng i h c k n ng ghi chép m c thành th c và chuyên nghi p c n thi t cho k n ng d ch u i và d ch song song. Ngoài ra, h c ph n rèn luy n các k n ng d ch mô ph ng h i ngh , d ch tháp tùng, d ch theo oàn, d ch th m và nhìn v n b n d ch thông qua các bài t p th c hành v các ch : môi tr ng, kinh doanh th ng m i, khoa h c và công ngh . K t thúc h c ph n, sinh viên có th phiên d ch Anh - Vi t, Vi t - Anh trôi ch y và chính xác các ch trên.

Phiên d ch 3 (Interpretation 3) 3TC

H c ph n trang b cho ng i h c v n t v ng, k n ng phiên d ch x lý các tình hu ng trong quá trình phiên d ch theo các ch nh : t ng ngh a, k thu t d ch, d ch song song, d ch nhìn v n b n, d ch theo oàn. K t thúc h c ph n sinh viên có kh n ng phiên d ch Anh - Vi t, Vi t - Anh trôi ch y, linh ho t, chính xác trong các quá trình d ch u i, song song, d ch nhìn v n b n và d ch theo oàn các ch v các l nh v c khoa h c k thu t, kinh t , v n hóa và xã h i.

Ti ng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes) (3TC)

H c ph n cung c p cho ng i h c t v ng, c u trúc ng pháp, thu t ng , nh ng ki n th c và k n ng c n thi t trong các chuyên ngành nh : kinh doanh th ng m i, du l ch, v n phòng. Ngoài ra, ng i h c c luy n t p các k n ng x lý tình hu ng b ng Ti ng Anh các chuyên ngành trên. Sau khi k t thúc h c ph n, ng i h c có k n ng giao ti p b ng Ngôn ng Anh các chuyên ngành trên t c p B2+ theo khung tham chi u Châu Âu (CEF).

Biên d ch chuyên ngành (Specialized Translation in Practice) (3TC)

H c ph n cung c p cho ng i h c v n t v ng, thu t ng , c u trúc ng pháp v các chuyên ngành nh kinh doanh th ng m i, du l ch, và v n phòng. Ngoài ra ng i h c c trang b k thu t d ch chuyên ngành và th c hành biên d ch v các ch nh trên. K t thúc h c ph n, sinh viên c và biên d ch l u loát, úng phong cách và chính xác v i các ch trên.

Phiên d ch chuyên ngành (Specialized Interpretation in Practice) (3TC)

H c ph n cung c p cho ng i h c t v ng, c u trúc ng pháp, thu t ng chuyên ngành v các ch nh kinh doanh th ng m i, du l ch và v n phòng. Ngoài ra, sinh viên c trang b k n ng phiên d ch và th c hành phiên d ch v các chuyên

ngành trên. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng phiên dịch luật và chính xác các chi tiết trên.

Ngôn ngữ khóa phiên dịch (Interpretation Practicum) (2TC)

Học phần này cho sinh viên cơ hội thực tập, tham dự các sự kiện như hội nghị, hội thảo, họp báo, triển lãm... có sự đồng nghiệp phiên dịch quan sát, học hỏi các kỹ năng cần thiết của một phiên dịch viên, trong và sau mỗi kỳ. Học phần giúp sinh viên trang bị và rèn luyện các kỹ năng như thu thập thông tin, khảo sát thực tế, viết và trình bày báo cáo về ngành nghề và môi trường làm việc.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

ThS. Ngô Quỳnh Hoa
Bộ môn: Thực hành Tiếng Anh

I. TUYÊN BỐ

Chương trình Ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội hiện nay đang phải đối mặt với những thách thức lớn là Biên phiên dịch. Nhiệm vụ chính là nâng cao chất lượng đào tạo học sinh nghiệp vụ trong lĩnh vực và quốc tế, vì vậy rà soát và thay đổi chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh là điều cần thiết không chỉ đúng với yêu cầu của trường mà còn phù hợp với nhu cầu của xã hội ngày càng cao. Mục tiêu trong ngành công nghiệp dịch vụ quan trọng là xác định lại chuẩn đầu ra cho ngành Ngôn ngữ Anh.

II. NỘI DUNG

1. Chuẩn đầu ra là gì?

Hiện nay có rất nhiều khái niệm khác nhau về chuẩn đầu ra:

Theo Jenkins và Unwin (2001): "*Chuẩn đầu ra là sự kết hợp của những kỹ năng, mong muốn mà một người tốt nghiệp có thể làm được như kết quả của quá trình đào tạo*".

Theo GS. Nguyễn Thị Nhân "*Chuẩn đầu ra là sự kết hợp của sinh viên tốt nghiệp làm được những gì và kỹ năng, thái độ hành vi cần thiết của sinh viên*";...

Có thể hiểu rằng, chuẩn đầu ra có thể được xem như là cam kết của nhà trường đối với xã hội về những kỹ năng, kỹ năng, thái độ hành vi, qua đó khẳng định những năng lực lao động cần thiết mà sinh viên sẽ thể hiện được sau khi tốt nghiệp.

2. Ý nghĩa của chuẩn đầu ra

2.1. Đối với nhà trường

Chuẩn đầu ra là cơ sở để nhà trường xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Thông qua chuẩn đầu ra, người thi cử về xã hội nhìn nhận được chất lượng của nhà trường, từ đó niềm tin trong sinh viên, phụ huynh, người sử dụng lao động... Ngoài ra, chuẩn đầu ra còn giúp nhà trường tự đánh giá năng lực và tác động của nhà trường đối với xã hội.

2.2. Đối với giảng viên

Chuẩn đầu ra là cơ sở thiết kế nội dung giảng dạy; là căn cứ pháp định để tích cực, lành mạnh rõ ràng và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Căn cứ đó thể hiện các tính tích cực trong dạy học.

2.3 *Về sinh viên*

Thông qua chuẩn đầu ra, sinh viên lành mạnh cảm kích học tập của mình, xác nhận thể các yêu cầu về bản thân, đó không ngừng nỗ lực học tập và rèn luyện theo các chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và xã hội; Căn cứ này nên sát nhập các chỉ số học tập, chỉ số về làm của sinh viên.

2.4 *Về các cá nhân, tổ chức xã hội lao động*

Chuẩn đầu ra của các trường là cơ sở các cá nhân, tổ chức đánh giá kết quả cung cấp nhân lực của các trường, đó xác nhận cung cấp nhân lực phù hợp với yêu cầu lao động. Bên cạnh đó, các cá nhân, tổ chức xã hội lao động cũng có thể là căn cứ chính xác nguồn nhân lực tìm kiếm cho mình, đó phù hợp với các trường thể hiện ào t o theo sách, từ đây và hoạt động cho các trường, và giảm chi phí và thời gian ào t o l i c a n i s đ ng nhân lực.

2.5. *Về xã hội*

Xã hội có cơ sở giám sát hoạt động ào t o của các trường và có quyền đòi hỏi các trường từ chức hoặc thể hiện ứng chuẩn đầu ra để xác nhận. Vì thể thể hiện chuẩn đầu ra giúp xã hội có cơ nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Nội dung của chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh

Vì mục tiêu chương trình giáo dục bậc học ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp cho sinh viên môi trường và năng lực hoạt động giáo dục hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt thành công trong nghiên cứu trong lĩnh vực có sự đóng góp Ngôn ngữ Anh, đáp ứng nhu cầu xã hội. Chuẩn đầu ra của ngành Ngôn ngữ Anh được chia thành ba phân ngành như sau: Biên – phiên dịch, Phương pháp Giảng dạy tiếng Anh và Tiếng Anh Du lịch.

C nhân tố nghiên cứu ngành Ngôn ngữ Anh thể hiện các phẩm chất đạo đức, kỹ năng và kiến thức sau:

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

- A1. Có lập trình chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hi u bi t và các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân.
- A2. Có tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết và ngôn ngữ dân tộc, tinh thần có thái độ tôn trọng văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc khác trên thế giới.
- A3. Có tinh thần trách nhiệm vị công việc và ý thức hình ảnh quốc gia.
- A4. Có hi u bi t về văn hóa-xã hội, kinh tế và pháp luật.
- A5. Có thái độ làm việc chuyên nghiệp, trung thực.
- A6. Có ý thức học tập nâng cao năng lực và trình độ, có tinh thần học hỏi, bi t các kĩ năng nâng cao hi u quả trong môi trường công việc quốc gia.
- A7. Có sức khỏe làm việc.

B. Kiến thức

- B1. Hi u các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B2. Hi u và vận dụng kiến thức Khoa học xã hội-nhân văn, công nghệ thông tin, phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
- B3. Hi u kiến thức về ngôn ngữ cơ bản trong 4 ngôn ngữ sau :
- Ngôn ngữ Nhật
 - Ngôn ngữ Pháp
 - Ngôn ngữ Nga
 - Ngôn ngữ Trung
- B4. Hi u và vận dụng kiến thức cơ bản sau:
- B.4.1. Hệ thống âm và kỹ thuật luyện phát âm tiếng Anh.
- B.4.2. Từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh.
- B.4.3. Ngôn ngữ học, văn hóa, văn học Anh – Mỹ.
- B5. Hi u và vận dụng các kiến thức chuyên ngành sau:
- B.5.1. Chuyên ngành Biên – phiên dịch: kỹ thuật biên, phiên dịch tiếng Anh tổng quát cũng như tiếng Anh chuyên ngành.
- B.5.2. Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy: lý luận và phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ, cách thức kiểm tra đánh giá; thiết kế giáo án; xây dựng chương trình và tài liệu chi tiết.
- B.5.3. Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch: kiến thức Tiếng Anh và nghiệp vụ về dịch vụ du lịch và lễ tân.

C. Kỹ năng

C1. Kỹ năng nghe - hiểu

C1.1. Sử dụng thông thạo 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết trong môi trường tiếng Anh và hình thành thói quen tự học tiếng Anh theo Khung tham chiếu Châu Âu CEFR.

C1.2. Có kỹ năng biên phiên dịch các loại hình văn bản Anh – Việt, Việt – Anh.

C1.3. Có kỹ năng thiết kế giáo án và các công cụ hỗ trợ; kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành.

C1.4. Có kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lễ tân; kỹ năng hướng dẫn, điều hành, triển khai các loại hình dịch vụ du lịch theo hướng phát triển bền vững.

C1.5. Có khả năng giao tiếp sử dụng 1 trong 4 ngôn ngữ (Pháp, Nga, Trung, Nhật) trình độ sau:

- Tiếng Nhật: tự chủ ngôn ngữ JLPT N4.
- Tiếng Pháp: tự chủ ngôn ngữ DELF A1.
- Tiếng Nga: tự chủ ngôn ngữ TBU.
- Tiếng Trung: tự chủ ngôn ngữ HSK2.

C2. Kỹ năng mềm

C2.1. Có kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm với tinh thần hợp tác cao

C2.2. Có kỹ năng giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.

C2.3. Có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin và ghi chép trong lĩnh vực chuyên môn.

C2.4. Sử dụng tin học phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

C2.5. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và ghi chép.

C2.6. Triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học.

C2.7. Kỹ năng tổ chức các hoạt động, sự kiện; lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch hoạt động; quản lý hoạt động, quản lý nhóm.

4. Hình thức đánh giá sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong:

- Các tổ chức trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh;
- Các cơ sở giáo dục và đào tạo tiếng Anh;
- Các công ty, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ;

- Các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá trong và ngoài nước;
- Các công ty trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành

III. KẾT LUẬN

Rà soát, xây dựng, công bố chuẩn ra là việc làm có ý nghĩa quan trọng, làm tốt trong những tiêu chí và yêu cầu cần thiết là nhiệm vụ mà toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên nói chung và Trường Đại học Nha Trang nói riêng. Tuy nhiên, việc này không hề đơn giản là việc thực hiện chuẩn ra, mà việc này đòi hỏi sự nỗ lực của các giảng viên, các nhà quản lý và các nhà trường. Chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực để thực hiện tốt các chuẩn ra, thực hiện tốt Trường Đại học Nha Trang sẽ thực hiện tốt chuẩn ra mà nhà trường xây dựng, có như vậy mới đảm bảo toàn thể sinh viên đáp ứng tốt nhu cầu lao động của xã hội, từng bước nâng cao vị trí của sinh viên, công việc chính là cách duy nhất khẳng định thành tích của Trường trong phạm vi trường và trên toàn quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Jenkins, A. & Unwin, D. (2001), How to write learning outcomes. <http://www.ncgia.ucsb.edu/education/curricula/giscc/units/format/outcomes.html>
2. Nguyễn Thị Bích, Những hiểu biết cơ bản về chuẩn ra, <http://www.tnu.edu.vn>
3. Khung tham chiếu trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Châu Âu, (2011). http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/CADRE_EN.asp.
4. Chương trình ngành Tiếng Anh Biên-Phiên dịch và Tiếng Anh-Quản trị Du lịch.
 - Tên tổ chức xây dựng: Trường Đại học Hà Nội
 - Địa chỉ / tài liệu tham khảo: www.uls.vnu.vn
5. Chương trình ngành Ngôn ngữ Anh.
 - Tên tổ chức xây dựng: Học viện Ngoại giao
 - Địa chỉ / tài liệu tham khảo: www.hut.edu.vn
6. Chương trình Ngành Ngôn ngữ Anh
 - Tên tổ chức xây dựng: Trường Đại học Sư phạm TP HCM
 - Địa chỉ / tài liệu tham khảo: www.hcmup.edu.vn
7. Chương trình Ngành Ngôn ngữ Anh (Thương Mại – Du lịch)

- Tên tổ chức xây dựng: Đại học Sài Gòn

- Địa chỉ / tài liệu tham khảo: www.sgu.edu.vn/

8. Chương trình Quản trị khách sạn - du lịch và lữ hành - nhà hàng

- Tên tổ chức xây dựng: Đại học Hoa Sen

- Địa chỉ / tài liệu tham khảo: www.hoasen.edu.vn

HI ỨNG DỤNG CÁC CÔNG NGHỆ XÃ HỘI EDmodo TRONG DẠY VIẾT WRITING 2 CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Th.s Trần Thị Cúc
B môn: Thực hành Tiếng

1. Tổng quan

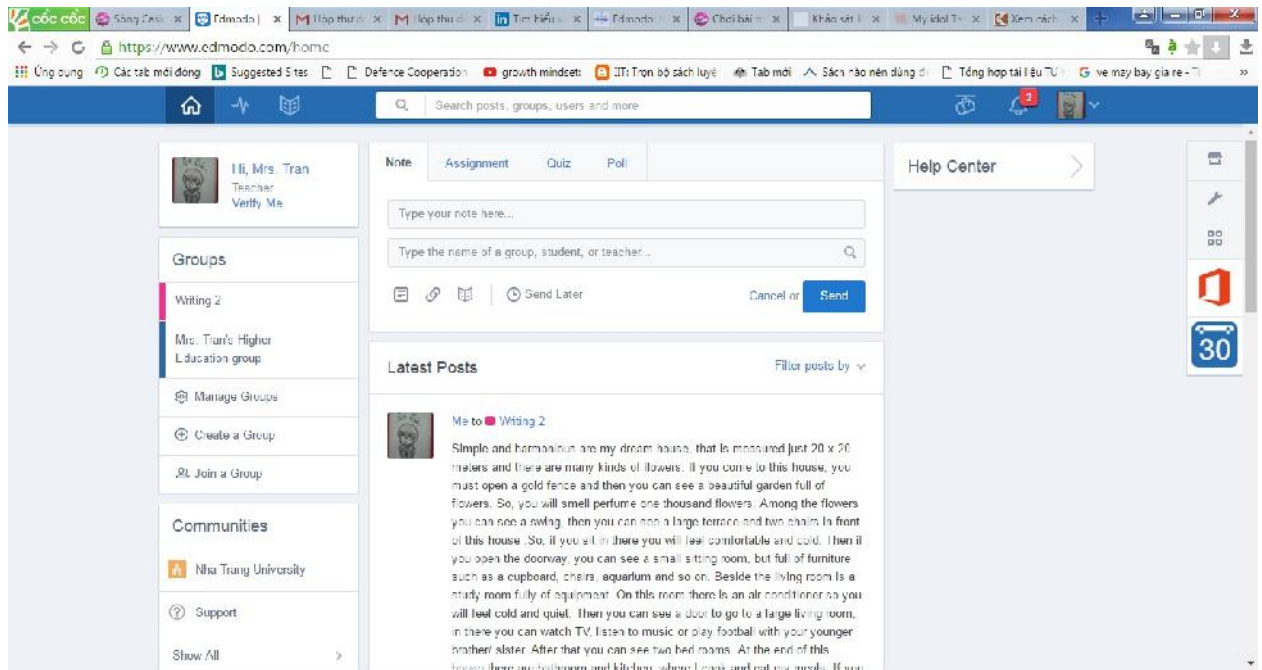
Kinh nghiệm viết là một trong những kỹ năng khó, đòi hỏi tính tác động liên tục giữa giảng viên và sinh viên. Trong quá trình dạy viết, giảng viên nhận thấy một số vấn đề như: sinh viên không thích viết bài trực tiếp ra giấy mà thường thích đánh máy, sinh viên chỉ cần hai ba bài khác nhau và sẵn bài giúp, thậm chí chỉ cần giáo viên cần bài trong khi các thành viên trong lớp không có chủ đề và sẵn bài cho nhau, sự tác động giữa giảng viên và sinh viên và giữa các sinh viên với nhau sau giờ lên lớp hầu như không có. Thêm vào đó, do sự phát triển bùng nổ của truyền thông và mạng xã hội, sinh viên có nhu cầu tham gia các mạng xã hội này liên tục. Vì vậy quy trình viết nêu trên, ngoài việc áp dụng công nghệ xã hội giáo dục Edmodo với đầy đủ trên lớp để tạo ra môi trường viết có ứng dụng mạng xã hội cho sinh viên vô cùng hứng thú tham gia.

2. Nội dung

2.1. Edmodo là gì?

Edmodo là một mạng xã hội trực tuyến dành cho học sinh, giáo viên, và phụ huynh, chú trọng vào tính năng liên lạc nhanh chóng, kho sát ý kiến, chia sẻ bài giảng, ứng dụng thực nghiệm giúp sinh viên nộp bài đúng quy định. Giáo viên có thể chia sẻ file, link, bài học, hình ảnh, âm thanh và các thông báo, cập nhật, trò chuyện với học sinh như trên Facebook wall, kho sát học sinh, quản lý lớp học bằng lịch. Học sinh có thể liên hệ với giáo viên trực tiếp, nhắn cho các bạn học khác, tác động và không gian thảo luận công khai và thậm chí là có thể truy cập Edmodo từ bất kỳ nơi đâu thông qua trang web trực tuyến hóa cho dễ dàng xem bài giảng. Để truy cập của Edmodo là: <https://www.edmodo.com>. Để tạo tài khoản trên Edmodo, giảng viên chỉ cần có địa chỉ email, sau đó lập ra một nhóm lớp học, mời các sinh viên của mình vào và bắt đầu quản lý lớp học. Trên trang của Edmodo có phần Ghi chú (Note) giúp giáo viên đưa ra thông báo, Bài tập (Assignment) giúp

giáo viên đã ra bài và học sinh nộp bài, sau học sinh nộp bài này sinh viên không gửi bài lên trang web của Câu hỏi (Quiz) và L ý phi u kh o sát (Poll).



Giao diện của Edmodo

2.2. *ng d ng Edmodo trong d y Vi t 2*

u tiên khi gì ng viên thành l p nhóm Vi t 2 (Writing 2), Edmodo ã cung c p cho gì ng viên m t mã l p h c g i n các sinh viên c m i vào nhóm. Sinh viên sau khi ã c m i, ch c n ch p nh n l i m i và nh p úng mã l p h c là có th vào c nhóm. Gì ng viên hay các h c viên n u có thông báo ho c câu h i gì s ng t i các thông báo lên ph n Note t t c cùng c, Thích, Tr l i ho c Theo dõi. N u có bài t p, gì ng viên ng t i trong ph n Bài t p (Assignment) v i h n chót r t rõ ràng. Các h c viên s c thông báo mình ph i tr bài vào ngày nào qua tin nh n và email. N u quá h n tr bài, trang web s thông báo và sinh viên s không g i bài i c n a.

Trong quá trình và sau khi sinh viên tr bài, các sinh viên s vào c bài c a b n, ph n h i và nh n xét d a trên nh ng tiêu chí c a m i bài h c trong Vi t 2 ch ng h n nh n xét v Topic sentence, Supporting sentences, Concluding sentences hay các t ng miêu t c s d ng trong o n v n. Tiêu chí nh n xét ã c gì ng viên quy nh rõ ràng và nh c nh r t k trên l p các sinh viên áp d ng, tuân

theo. Giảng viên sẽ nhận xét bài và cho điểm. Ngoài ra, nếu bài nào nhận được nhiều “Thích” thì sẽ được cộng điểm.

2.3. *Hội đồng chuyên gia Edmodo theo ý kiến phản hồi của sinh viên*

Sinh viên có phản hồi tích cực sau mỗi tiết học, gửi bài và tham gia thảo luận trên Edmodo. Phần lớn sinh viên đều cho rằng có nhiều bài cá nhân, nhiều ý kiến có thể phát triển thêm ý tưởng cũng như các cấu trúc bài cá nhân. Thêm vào đó sinh viên cũng có ý kiến trong việc bài đúng thì giảng viên.

Ngoài ra, sinh viên cũng có nhiều lời khuyên về việc comment của giáo viên, cũng như theo dõi tiến bộ của mình thông qua hình thức theo dõi tiến bộ (Progress) và ngưỡng thi vị. Những bài khác của giáo viên sẽ làm mẫu để cùng học và phân tích, nhiều sinh viên có thể rút kinh nghiệm cho câu chuyện.

2.4. *Một số lưu ý khi sử dụng Edmodo*

Vì đây là mạng xã hội nên sẽ có sự liên lạc giữa giáo viên và sinh viên. Giảng viên sẽ tham gia các nhận xét của các sinh viên khác. Thêm vào đó, giáo viên nên phải có quy định về nội dung cũng như trong phần Notes hay các nhận xét nội dung nhóm học có ý nghĩa, không bị tụt.

3. Kết luận

Mạng xã hội Edmodo đã đưa vào thí nghiệm lớp học Việt 2 và đã đạt được những kết quả nhất định. Hầu hết các sinh viên đều hài lòng về công cụ học tập này. Hiện nay công cụ này sẽ được giáo viên biết rõ ràng và ngưỡng phù hợp vào trong các lớp học của mình.

Tài liệu tham khảo

1. <https://www.edmodo.com/home>
2. H i Qu ng (2013), Edmodo – M ng xã h i dành cho h c sinh, sinh viên và giáo viên. Trích t <https://dayhocblog.wordpress.com/2013/04/18/edmodo-mang-xa-hoi-danh-cho-hoc-sinh-sinh-vien-va-giao-vien/comment-page-1/>
3. T.T.Cuc (2016), Writing 2 Selective compilation for internal use only, Nha Trang University.

T NG K T CÁC PH NG PHÁP TÍCH C C GIÚP PHÁT TRI N K N NG M M CHO SINH VIÊN KHOA NGO I NG - I H C NHA TRANG

*ThS: Nguyễn Ph ng Lan
B môn: Th c hành Ti ng*

I. T V N :

Nhi u ph huynh và giáo viên cho r ng, b ng c p và kinh nghi m là i u mà các nhà tuy n d ng quan tâm khi tìm ki m nhân viên. Vì v y, h th ng yêu c u con em và sinh viên c a mình ph i h c và th c hành th t nhi u có m t công vi c t t trong t ng lai. Tuy nhiên, n u nh n th y các em có nh ng suy ngh tích c c, làm vi c t n tâm, giao ti p khéo léo, gi i quy t các v n hi u qu ...v.v thì các b c cha m và giáo viên nên vun p n ng l c ti m n này. Nh ng k n ng m m bày s giúp các em thành công nh vào phong cách làm vi c chuyên nghi p, c u ti n hoàn thi n b n thân và bi t cách h ng th cu c s ng.

Tuy nhiên, k n ng m m thu c ph m trù con ng i, không mang tính chuyên môn, không ph i là thiên b m mà do ào t o nên. K n ng m m nên c h c và th c hành thông qua nh p vai, th o lu n nhóm và bài t p tình hu ng trong môi tr ng i h c. ây chính là b c chuy n ti p quan tr ng trong cu c i m i ng i, t m t a tr thành m t ng i tr ng thành bi t ch ng nuôi s ng b n thân. Vì th , ngay khi con b c vào i h c, ph huynh c ng nh giáo viên n ên khuy n khích các em tham gia các ho t ng nh là **ch ng thuy t trình tr c ám ông, tích c c th o lu n và làm vi c nhóm, tham gia các h i th o qu c t , th c t p ngay trong quá trình h c...v.v là nh ng cách giúp sinh viên trau d i k n ng m m.**

Trong bài tham lu n này tôi mu n trình bày m t s ho t ng mà các giáo viên c a khoa Ngo i ng nói chung và cá nhân tôi nói riêng ã và ang áp d ng nh m phát tri n các k n ng m m cho sinh viên

II. N I DUNG:

1. K n ng m m là gì?

K n ng m m là m t thu t ng xã h i h c ch nh ng k n ng có liên quan n vi c s d ng ngôn ng , kh n ng hòa nh p xã h i, thái và hành vi ng x áp

đăng vào vị trí giao tiếp giữa người với người, dùng để chỉ các kỹ năng quản lý trong các sự kiện công nghiệp như: kỹ năng sáng tạo, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, thể thao, vượt qua khó khăn, sáng tạo và...
m i...

2. Tầm quan trọng của các kỹ năng mềm

Mục tiêu thành công trong các sự kiện và sự nghiệp, chúng ta phải hiểu và tận dụng kỹ năng chuyên môn (kỹ năng cứng) và Kỹ năng mềm bởi vì:

“Thực tế cho thấy người thành công chỉ có 25% là do những kỹ năng chuyên môn, 75% còn lại là do quy tắc nhân bản những kỹ năng mềm mà họ trang bị” – Wikipedia.

Do đó, theo FTMS Global có các kỹ năng mềm chúng ta sẽ:

- Có một quan hệ làm việc quan trọng trong công việc.
- Tận dụng hiểu biết thành công khi xin việc và phỏng vấn việc làm.
- Thành công trong công việc nhờ vào phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và đáp ứng tất cả yêu cầu của nhà quản lý.
- Tự hoàn thiện bản thân.

3. Các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng mềm của từng cá nhân

a. Thuyết trình trước đám đông

Môn thuyết trình có thể rèn luyện cho sinh viên sự tin tưởng khi đứng trước nhiều người. Ngoài ra, hoạt động này còn giúp hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, làm việc hiệu quả và thể hiện hành vi đúng đắn, ngôn ngữ cơ thể, nâng cao hiệu quả giao tiếp với người nghiệp, khách hàng, bạn bè, cấp trên sau này.

Trong nội dung này học sinh toàn bộ các môn học đều có áp dụng, trong đó các môn áp dụng nhiều nhất là môn nói, môn hùng biện, văn học Anh-Mỹ, văn hoá Anh-Mỹ. Các môn khác như kỹ năng viết cũng sẽ cho các em thuyết trình về lý thuyết bài học; kỹ năng nghe: các em thuyết trình tóm tắt nội dung các bài nghe các em đã học ở nhà v.v

b. Thảo luận và làm việc nhóm

Thảo luận giúp sinh viên nắm bắt cách trao đổi ý kiến trong nhóm, tích lũy kỹ năng đàm phán và thu thập các dữ kiện, dữ liệu trong việc giải quyết bất cứ vấn đề. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phát hiện ra những tài năng phát triển kỹ năng lãnh đạo và lãnh đạo.

ivi ho t ng này 100% các môn h c u c áp d ng. Ph ng pháp ho t ng theo c p và theo nhóm là ph ng pháp ph bi n trong d y h c ti ng Anh.

c. Các ho t ng ngo i khóa

Các ho t ng này không ch mang l i nh ng gi phút t n h ng, gi i lao ngoài gi h c trên l p mà còn t o i u ki n cho sinh viên phát tri n các k n ng cá nhân nh t duy, gi i quy t v n , ph n x , sáng t o...

ivi ho t ng này các em c phát tri n thông qua các chuy n tham quan th c t n a ngày, m t ngày ho c 2 ngày m t êm .v.v . M t s giáo viên trong khoa ã áp d ng cho m t s môn h c nh là: Ti ng Anh chuyên ngành d ch v du l ch và l hành; Vi t 3, Vi t 4, Biên – Phiên d ch kinh doanh th ng m i ;Biên- Phiên d ch d ch v du l ch và l hành v.v

d. Tham gia h i th o chuyên môn

ây là c h i lý t ng sinh viên g p g , giao l u, b t k p v i kho ki n th c toàn c u. Bên c nh ó, vi c tham d h i th o c ng t o i u ki n cho sinh viên c ng c ki n th c v chuyên ngành.

ivi ho t ng này khoa Ngo i Ng c ng c g ng phát tri n nh ng ch a nhi u. M t s h i th o v i các chuyên gia n c ngoài, khoa c ng ã cho các sinh viên n m cu i tham gia h c h i.

e. Th c t p trong quá trình h c

Không ph i tr ng i h c nào c ng m ra cánh c a vi c làm cho sinh viên sau khi ra tr ng. Vi c th c t p s m t i các công ty s giúp sinh viên hi u bi t thêm v th c ti n ho t ng các ngành ngh , tích l y kinh nghi m và làm p h s xin vi c. i u này rút ng n áng k kho ng cách gi a ào t o và th c t , áp ng c yêu c u c a nhà tuy n d ng.

ivi ho t ng này khoa Ngo i Ng c ng có nhi u cách th c hi n nh : a các em i tham quan các c s du l ch, nhà máy, công ty th ng m i v.v giúp các em có c h i tìm hi u v ngành ngh ; ng th i Khoa c ng ã liên k t v i m t s c s l u trú, công ty cho các em có th i gian ki n t p nh m giúp các em ma sát c v i môi tr ng làm vi c v.v

III. Kết luận:

Các hoạt động phát triển kỹ năng mềm khác nhau trên khắp bốn thị trường giáo dục tiên tiến như Anh, Mỹ, Philippines, Australia.... . Tuy nhiên các trường đại học của Việt Nam nói chung và khoa Ngoại Ngữ của trường Đại học Nha Trang nói riêng, các hoạt động này chưa được áp dụng một cách tích cực. Qua bài tham luận này, tôi hy vọng các bạn đồng nghiệp hãy áp dụng các hoạt động trên vào các môn học của mình nhằm giúp cho sinh viên có nhu cầu phát triển các kỹ năng mềm cần thiết, xây dựng mô hình năng lực ASK (kiến thức, kỹ năng và thái độ tích cực)-mô hình hành trang sẵn theo các em trong suốt cuộc đời, giúp cho các em luôn sáng tạo có thể hình thành, thích nghi và trở thành những nhà chuyên nghiệp trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào tạo kỹ năng mềm: Bộ tài liệu thái độ tích cực 30/09/2008 12:04 PM
- [2] http://en.wikipedia.org/wiki/Soft_skills
- [3] Trần Bá Hoành (2007), *Điểm nhấn trong pháp lý học, chương trình và sách giáo khoa*, NXB HSP Hà Nội,
- [4] **TAM QUAN TRỌNG CỦA KỸ NĂNG MỀM TRONG CUỘC SỐNG**
www.hocduong.vn/tam-quan-trong-cua-ky-nang-mem-trong-cuoc-song.

NH NG V N C B N KHI XÂY D NG CH NG TRÌNH BIÊN – PHIÊN D CH

*ThS: Nguyễn Hoàng H
B môn: Biên Phiên d ch*

I. t v n

Biên phiên d ch c xem là nh ng h c ph n gi ng d y b sung cho quá trình h c và th c ngôn ng ngôn ng th hai. Bên c nh vi c l nh h i ngôn ng th hai thì biên phiên d ch nói riêng và d ch thu t nói chung c ng c xem là nh ng h c ph n có nh h ng ngh nghi p. Nh v y vô hình chung vi c gi ng d y Biên phiên d ch v n gánh vác hai nhi m v song song, ó là phát tri n ngôn ng và ào t o ngh . Hai nhi m v này ch a òi h i nh ng yêu c u khác nhau, chính vì th khi thi t k ch ng trình c n ph i tính n m c ích chung c a quá trình ào t o.

II. C s lý lu n

Theo Duff (1997) các ho t ng d ch thu t th ng c ng d ng vào gi ng d y nh m m c ích hoàn thi n b n k n ng và nâng cao tính chính xác, rành m ch và thông th o trong quá trình l nh h i ngôn ng . Nh v y ng i h c có th c s c n thi t các môn h c liên quan n d ch thu t hay không? tr l i câu h i này, Widdowson (1983) cho r ng khi h c ngôn ng th hai, ng i h c ph i s d ng n d ch thu t, vì d ch thu t chính là ho t ng giao tí p t n t i trong i s ng hàng ngày.

Nh n th c c s phát tri n c a n n kinh t th tr ng và s gia t ng t bi n c a s l ng ng i h c ngo i ng , Khoa Ngo i ng tr ng i h c Nha Trang ã nhanh chóng a các h c ph n liên quan n nghiên c u d ch thu t vào ch ng trình ào t o c nhân ngành ngôn ng Anh nh h ng ào t o Biên phiên d ch v i th i l ng 20 t n ch . i u này có ngh a là D ch không ch còn là nh ng môn h c, mà ã tr thành m t chuyên ngành nh h ng ngh nghi p m i. Và vi c d y – hoc D ch vì v y c ng c n ph i có nh ng ti n tri n thích h p và các gi i pháp kh thi nh m áp ng c m t ph n nào nhu c u c a th tr ng ang ngày càng gia t ng trong nh ng n m g n ây.

Nội hàm các khái niệm ngôn ngữ nguôn và ngôn ngữ đích trong dịch thuật đã phân nào phân ánh tính đa chi u, t ng h p c a quá trình l nh h i ngôn ngữ . Nó b t bu c ng i d y ph i xác nh c vi c gi ng d y d ch thu t mang nh ng c thù riêng, th m chí trên nhi u ph ng đi n nó còn i l p v i vi c d y ngo i ng nói chung (Ph m Xuân Mai, 2007).

Trên th c t hi n nay, nhi u c s ào t o c p i h c, trong b i c nh gia t ng v nhu c u d ch thu t, mong mu n m ng ng th i hai nhi m v song song: gi ng d y ngo i ng (nh m trau d i ngôn ngữ theo nh h ng giao ti p) và gi ng d y Biên phiên d ch (nh m t n k n ng có nh h ng ngh nghi p). tránh tình tr ng h c th c hành d ch, hay nói cách khác là “hành vi d ch thu t” trong h c ngo i ng mang tính “s ph m ngo i ng ” và nh m m c ích trau d i hoàn thi n ch y u duy nh t v ngôn ngữ , vi c xây d ng ch ng trình nói chung và các h c ph n Biên phiên d ch nói riêng c n ph i c xem xét, ánh giá v m t t duy, k n ng c ng nh n i dung ch ng trình.

III. Nội dung

V i mong mu n hoàn thành hai nhi m v trên, chúng tôi ã ti n hành ánh giá, phân tích và i n khung ch ng trình dành cho các h c ph n Biên phiên d ch nh sau:

III.1. Lý thuy t d ch

H c ph n cung c p cho ng i h c ki n th c c b n v lý thuy t d ch bao g m: các lo i hình d ch thu t; t ng ng trong d ch thu t; các k thu t d ch; phê bình và ánh giá b n d ch; phân tích đi n ngôn. Ngoài ra h c ph n còn s d ng các ngu n tài li u giúp ng i h c th c hành v n d ng lý thuy t vào th c ti n. K t thúc h c ph n sinh viên n m v ng các ki n th c lý lu n và t c ti n d ch thu t.

III.2. Th c hành Biên d ch 1 (Translation Practice 1)

H c ph n cung c p cho ng i h c ki n th c v các c p ngôn ngữ , lo i hình biên d ch, k thu t biên d ch giúp ng i h c có kh n ng ng d ng lý thuy t d ch vào th c hành biên d ch c p câu, các lo i m nh và các o n v n ng n theo các ch : v n hoá, giáo d c, gi i trí, khoa h c th ng th c. K t thúc h c ph n sinh viên có k n ng biên d ch các o n v n Anh - Vi t, Vi t - Anh theo các ch trên.

III.3. Th c hành Biên d ch 2 (Translation Practice 2)

H c ph n cung c p cho sinh viên t v ng, thu t ng chuyên ngành và các c u trúc ng pháp th c hành d ch c p v n b n theo các ch : dân s , môi tr ng, di dân, ô th hóa, y t , du l ch. Ngoài ra, h c ph n còn trang b cho sinh viên k n ng biên d ch, t m r ng v n t thu c các ch trong ch ng trình và linh ho t khi đi n t b ng ngôn ng ích. K t thúc h c ph n, sinh viên t c k n ng biên d ch l u loát và chính xác v các ch trên.

III.4. Th c hành Biên d ch 3 (Translation Practice 3)

H c ph n cung c p cho sinh viên t v ng, c u trúc ng pháp, thu t ng chuyên ngành c p v n b n theo các ch : th ng m i, th thao, v n h c, chính tr , công ngh , toàn c u hóa, các v n xã h i. Ngoài ra, sinh viên c trang b các k thu t biên d ch, k n ng i chi u d ch thu t, phân tích và ánh giá b n d ch. Sau khi k t thúc h c ph n, sinh viên có kh n ng biên d ch các lo i hình v n b n v các ch trên m t cách thành th o, t nhiên, chính xác và úng v n phong.

IV. K t lu n

Nói tóm l i, do b n ch t ph c t p c a ngôn ng (Anh, Vi t) cùng v i nh ng nhi m v song hành trong quá trình ào t o h ng n ch t l ng u ra c a ng i h c, vì c nh n th c c nh ng nh ng v n trong gi ng d y ngôn ng và ào t o ngh là r t c n thi t khi xây d ng ch ng trình ào t o c ng nh ph ng pháp gi ng d y.

V. Tham kh o

1. Duff, A. (1989). *Translation*. Oxford: Oxford University Press.
2. Pham, X. M. (2007). “Gi i pháp gi ng d y d ch ti ng Nga” – HSP TP. HCM. K y u H i th o 2007.
3. Widdowson, H. (1978). *Teaching Language as Communication*. Oxford: Oxford University Press.

S D NG TH PHÁP THÍCH NG V N HÓA TRONG BIÊN PHIÊN D CH

TS Nguyễn Duy Sĩ

B môn Th c hành Tiếng

1. M u

Biên phiên d ch hay g i chung là d ch thu t là m t công vi c òi h i nhi u k n ng và thao tác. Ng i làm công vi c d ch thu t không n thu n ch là chuy n ngh a t ngôn ng này sang ngôn ng khác, mà n ch a sau ó là ph i chuy n t i c thông i p, ngôn ng , v n phong, n i dung v n hóa c a v n b n g c cho ng i c v n b n d ch hi u chính xác và có nh ng ng x nh trong v n b n g c, khi ó thì công vi c d ch thu t m i t m g i là thành công. Cho n nay, có nhi u quan i m d ch thu t khác nhau, nh ng không có quan i m nào úng v i t t c các lo i v n b n c n d ch. Jean-Paul Vinay và Jean Darbelnet, trong cu n “*Stylistique comparée du français et de l’anglais. Méthode de la traduction*” xu t b n n m 1977 ã a ra nh ng th pháp d ch thu t c b n trong ó có th pháp thích ng v n hóa (adaptation culturelle) nh m giúp ng i d ch v n d ng trong nh ng tình hu ng d ch khác nhau. Trong khuôn kh bài vi t này, chúng tôi xin gi i thi u th pháp d ch thích ng v n hóa nh m góp ph n tham kh o cho công vi c d y / h c biên phiên d ch.

2. Thích ng v n hóa (adaptation culturelle): nh ngh a và ví d

Theo Jean-Paul Vinay và Jean Darbelnet, thích ng v n hóa là th pháp d ch thu t c dùng khi có s khác bi t v v n hóa, hay nói cách khác là tình hu ng giao ti p trong ngôn ng ngu n không có trong ngôn ng ích. Khi ó, ng i d ch ph i tìm ra m t tình hu ng khác t ng ng t c m t hi u qu giao ti p. Ch ng h n nh ng i ph ng Tây khi chào h i nhau th ng hôn lên má khi chào nhau trong khi ng i Vi t Nam thì th ng b t tay nhau. Chính vì v y, khi miêu t tình hu ng hai ng i b n g p nhau ch ng h n ta có câu “Paul fait un bisous à Isabelle” n u ta d ch là “Paul hôn cô Isabelle” thì ng i Vi t Nam d hi u nh m là Paul và Isabelle yêu nhau, do v y ta có th d ch là “Paul chào thân m t cô Isabelle” ho c là “Paul b t tay chào cô Isabelle”. Thay vì d ch là hôn chúng ta d ch là b t tay thì th pháp d ch này c g i là thích ng v n hóa.

Thức ăn văn hóa phở ông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng và văn hóa phở Tây có nhiều điểm khác biệt, do vậy khi dịch, nếu người dịch không nắm vững những khác biệt giữa các nền văn hóa hoặc không linh hoạt trong dịch thuật thì hiểu quả giao tiếp đôi khi không như mong muốn. Chẳng hạn trong văn hóa Việt Nam, hình tượng con rồng là biểu tượng cho sự cao quý và quyền uy thì ở Việt Nam, con rồng là con vật tượng trưng cho sự xui xẻo vì móng vuốt của con rồng, có uôi như uôi rắn. Ở Pháp và Bắc Mỹ chỉ còn có hình ảnh hổ là hình ảnh của con rồng. Do vậy, khi chúng ta có câu tiếng Việt là “Nền văn hóa Việt Nam giống như con rồng châu Á” mà chúng ta dịch sang tiếng Pháp là “Le Việt Nam est actuellement considéré comme un dragon de l’Asie” thì không làm cho người Pháp hiểu là chúng ta đang nói về nền văn hóa Việt Nam đẹp và giàu mạnh. Do vậy, trong tình huống này chúng ta nên thay hình tượng con rồng bằng hình tượng hổ trong câu dịch, câu dịch là: “Le Việt Nam est actuellement considéré comme un tigre de l’Asie”.

Việc tính toán những khác biệt văn hóa và văn bản để những tình huống tương tự trong quá trình dịch là rất cần thiết để tránh hiểu quả giao tiếp như mong muốn. Chúng ta có thể xem xét thêm một số ví dụ sau đây của tác giả Văn Văn (2002):

- Dès leur émission, les titres se sont vendus comme des petits pains (trích từ tạp chí l’Expansion tháng 12/1998) : dịch nguyên văn : Ngay từ khi phát hành, trái phiếu đã bán chạy như *bánh mì nh* . Qua ví dụ này chúng ta có thể thấy là trong tiếng Việt, người ta không ví một cái gì đó bán chạy như bánh mì nh , thay vào đó chúng ta có thể dịch là *bán chạy như tôm tép* để dễ hiểu hơn.
- Avec Michelin, ce n’est pas la neige qui vous empêchera de partir à la montagne. Dịch nguyên văn : Vì lốp xe hiệu Michelin, tuyết cũng không ngăn cản bạn đi lên núi. Ở Việt Nam, tuyết nhìn chung là một hiện tượng hiếm, chúng ta sống trong một nền nhiệt đới ẩm và bão lũ là tuyết, do vậy chúng ta có thể thay từ tuyết bằng «mưa rào nhiệt đới» để dễ hiểu hơn.

- Si vous consacriez autant de temps pour choisir votre lumière que votre fromage, ce serait bien pour vos yeux. Dịch nguyên văn: Nếu bạn dành nhiều thời gian chọn đèn bàn như chọn pho-mát thì sẽ tốt hơn cho đôi mắt của bạn. Ở vùng đất Pháp, pho-mát là một cái gì đó thân thuộc như ở vùng đất Việt thì rất xa lạ, nên chúng ta có thể thay thế pho-mát bằng một cái gì đó gần gũi hơn như Việt Nam, chẳng hạn như quế nướng, dày dếp hoặc nhà cá có hương vị giao tiếp tốt hơn.

Qua những ví dụ trên đây, chúng ta thấy việc sử dụng thủ pháp thích ứng văn hóa là cần thiết trong giao tiếp văn hóa.

3. Thích ứng văn hóa: văn hóa và hành vi

Thức cho thấy, một thủ pháp dịch văn hóa có thể giúp người nói và người nghe hiểu nhau ngay văn bản, hiểu giao tiếp tốt. Người nói không gặp khó khăn trong khi nói do những khác biệt văn hóa gây ra.

Tuy nhiên thủ pháp dịch văn hóa này cũng có những hạn chế nhất định. Trước hết nó làm mất đi bản sắc ngôn ngữ của văn bản gốc, không làm nổi bật tính đặc sắc trong suy nghĩ của tác giả hay một số chi tiết. Hơn nữa, việc lựa chọn những khác biệt ngôn ngữ và văn hóa trong văn bản dịch cũng góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ và văn hóa đích.

Do vậy, khi sử dụng thủ pháp dịch văn hóa này, người dịch phải cân nhắc những văn hóa và hành vi của nó để tránh những sai lầm pháp lý. Chẳng hạn trong một số trường hợp, chúng ta có thể vận dụng nguyên tắc thành ngữ của văn bản gốc kèm theo những chú thích để người đọc văn bản dịch hiểu hơn về thành ngữ đó.

4. Kết luận

Trên đây là một số mối liên quan về việc sử dụng thủ pháp dịch văn hóa thích ứng văn hóa. Chúng tôi cho rằng việc sử dụng thủ pháp này nhìn chung là cần thiết vì nó giúp cho hiểu giao tiếp tốt hơn, làm cho các văn bản dịch hay hơn. Dịch không nên thuần túy là chuyển từ nguyên xi một câu hay một văn bản từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, mà là một công việc mang tính sáng tạo và linh hoạt.

Mu n d ch t t thì ng i d ch ngoài vì c n m v ng nh ng ki n th c ngôn ng còn ph i hi u rõ các khái ni m v n hóa, xã h i và nh ng khác bi t gi a các n n v n hóa. M i th pháp d ch thu t u có nh ng u i m và h n ch nh t nh, do v y ng i d ch c n linh ho t trong vì c s d ng các th pháp d ch.

TÀI LI U THAM KH O

1. Vinay J-P., Darbelnet J., (1977), *Stylistique compare du français et de l'anglais. Méthode de traduction*, Ed. revue et augmen. Didier, Paris.
2. V V n i, (2002), *Aspect théorique de la traduction*, Université des Langues Étrangères de Ha Noi.